

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DIỄN CHÂU
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2023/DS-ST

Ngày: 29/12/2023

V/v tranh chấp: “kiện đòi tài sản”.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DIỄN CHÂU - TỈNH NGHỆ AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Đức Thúy.

Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Dũng và ông Nguyễn Văn Hậu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Kim Dung – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Diễn Châu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Diễn Châu tham gia phiên tòa bà:
Phạm Thị Hân - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 12 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Diễn Châu, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 60/2023/TLST-DS ngày 13 tháng 6 năm 2023 tranh chấp về việc “kiện đòi tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 280/2023/QĐXXST-ST ngày 12 tháng 12 năm 2023 giữa:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1990. (có mặt)

Trú tại: xóm E, xã D, huyện D, tỉnh Nghệ An.

- Bị đơn: Anh Đậu Văn T, sinh năm 1988.

Và chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1996.

Đều thường trú tại: xóm E, xã D, huyện D, tỉnh Nghệ An.

Nơi ở hiện tại: 3/61, tổ A K, phường T, Quận A, thành phố Hồ Chí Minh.

(Đều vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 16/6/2022, tại các bản tự khai, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa chị Nguyễn Thị L trình bày:

Vợ chồng anh **Đậu Văn T** và chị **Nguyễn Thị L** có vay của chị **Nguyễn Thị L** (tên thường gọi là **Lưu H**) số tiền là 550.000.000 đồng (Năm trăm năm mươi triệu đồng). Việc vay mượn là hoàn toàn tự nguyện và có giấy vay tiền viết tay và các tin nhắn điện thoại giữa anh **T**, chị **L** và chị **Lưu H**. Việc vay mượn do tin tưởng bạn bè nên anh **T**, chị **L** đã không viết giấy rõ ràng, đồng thời không có hạn ngày trả nợ mà chỉ có tin nhắn qua lại giữa các bên qua máy điện thoại. Sau khi cho vay chị **Lưu H** đã nhiều lần yêu cầu anh **T**, chị **L** trả nợ nhưng anh **T** và chị **Lưu H** trả. Đến ngày 16/12/2021, chị **Lưu H** lập vi bằng về sự việc trên đồng thời chị **Lưu H** yêu cầu anh **T**, chị **L** đến ngày 23/12/2021 phải trả toàn bộ số tiền 550.000.000 đồng (Năm trăm năm mươi triệu đồng) cho chị **Lưu H**. Đến hạn chị **Lưu H** đã nhiều lần yêu cầu anh **T**, chị **L** trả nợ nhưng anh **T** và chị **Lưu H** trả. Vì vậy chị **Nguyễn Thị L (Lưu H)** yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Diễn Châu giải quyết buộc anh **Đậu Văn T** và chị **Nguyễn Thị L** phải trả lại toàn bộ số tiền gốc 550.000.000 đồng (Bằng chữ: Năm trăm năm mươi triệu đồng) cho chị **Lưu H**.

- Đối với bị đơn anh **Đậu Văn T** và chị **Nguyễn Thị L**: Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành xác minh tại địa phương anh **Đậu Văn T** và chị **Nguyễn Thị L** hiện Đăng ký thường trú tại **xóm E, xã D, huyện D, tỉnh Nghệ An**. Hiện tại anh **T** và chị **Lưu** đang sinh sống tại địa chỉ: **3, tổ A K, phường T, Quận A, thành phố Hồ Chí Minh**.

Kết quả Ủy thác thu thập chứng cứ của Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh anh **Đậu Văn T** khai nhận Vào khoảng năm 2020 đến năm 2021 anh **T** và chị **L** có vay tiền của chị **Lưu H**. Tổng số tiền vay cụ thể bao nhiêu thì anh **T** không nhớ rõ vì mỗi lần vay anh **T** và chị **L** vay từ 100.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng và có thỏa thuận lãi suất là 1.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày. Nay chị **Lưu H** yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh **T**, chị **L** trả toàn bộ 550.000.000 đồng thì anh **T**, chị **L** đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh **T** và chị **L** đến Tòa án nhân dân huyện Diễn Châu giải quyết việc chị **Nguyễn Thị L (Lưu H)** yêu cầu Tòa án buộc anh **T** và chị **L** trả nợ nhưng anh **T** và chị **L** đều vắng mặt và có đơn xin giải quyết vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa. Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị

án; Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân theo pháp luật tố tụng; Nguyên đơn, chấp hành pháp luật theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 2 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 91; Điều 144, Điều 147, Điều 184, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Căn cứ các Điều 166, 280, 357; Điều 466 Bộ luật dân sự: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị **Nguyễn Thị L (Luu H)**: Buộc anh **Nguyễn Văn T1** và chị **Nguyễn Thị L** phải trả lại toàn bộ số tiền 5500.000.000 đồng (năm trăm năm mươi triệu đồng) cho chị **Nguyễn Thị L (Luu H)**; Án phí: bị đơn chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp giữa chị **Luu H** và anh **T1**, chị **L** là tranh chấp về “kiện đòi tài sản là tiền cho vay” và quy định tại khoản 2 điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn anh **Đậu Văn T** và chị **Nguyễn Thị L** có đăng ký thường trú tại **xóm E, xã D, huyện D, tỉnh Nghệ An**. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An.

[2] Về việc xét xử vắng mặt bị đơn: Bị đơn anh **Đậu Văn T** và chị **Nguyễn Thị L** đã được Toà án tổng đạt giấy triệu tập và Quyết định đưa vụ án ra xét xử lần thứ hai mà vẫn vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó Toà án tiến hành xét xử vắng mặt anh **T** và chị **L** theo quy định tại Điều 227 và 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Sự việc vay nợ giữa nguyên đơn, bị đơn diễn ra từ năm 2020 đến 2021 nguyên đơn đã nhiều lần yêu cầu nhưng bị đơn không trả nợ. Vì vậy đây là tranh chấp về tài sản, yêu cầu bảo vệ quyền sở hữu nên không áp dụng thời hiệu khởi kiện theo quy định tại khoản 2 Điều 155 Bộ luật dân sự và Điều 184 bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn thực hiện việc giao nộp tài liệu chứng cứ đầy đủ. Bị đơn đã được nhận toàn bộ đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ khởi kiện nhưng bị đơn không giao nộp bất cứ tài liệu chứng cứ gì. Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự để giải quyết vụ án.

Về nội dung:

[5] Về số tiền yêu cầu: Quá trình giải quyết vụ án xác định được: Từ năm 2020 đến năm 2021 nguyên đơn đã cho bị đơn vay tiền. Việc chuyển tiền được thực hiện nhiều lần, mỗi lần vay khoảng từ 100.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng đã được các bên thừa nhận. Sau đó chị **Lưu H** đã nhiều lần yêu cầu anh **T** và chị **L** trả nợ nhưng anh **T**, chị **Lưu k** trả. Đến ngày 16/12/2021 chị **Lưu H** đã yêu cầu lập vi bằng đối với anh **T** và chị **L** với nội dung thông báo là anh **T**, chị **L** còn nợ chị **Lưu H** tổng số tiền là 550.000.000 đồng và yêu cầu anh **T**, chị **L** đến ngày 23/12/2023 trả toàn bộ số tiền là 550.000.000 đồng (năm trăm năm mươi triệu đồng) cho chị **Lưu H**. Sau khi lập vi bằng thì anh **T**, chị **Lưu k** trả nợ cho chị **Lưu H** như thông báo. Nên chị **Nguyễn Thị L (Lưu H)** khởi kiện, yêu cầu anh **Đậu Văn T** và chị **Nguyễn Thị Lưu t** toàn bộ số tiền là 550.000.000 đồng là hoàn toàn có căn cứ, cần chấp nhận.

[6] Về tiền lãi: các đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

[7] Về án phí: anh **Đậu Văn T** và chị **Nguyễn Thị L** phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 91; Điều 144, Điều 147, Điều 184, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ các Điều 166, 280, 357; Điều 466 Bộ luật dân sự;

Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc anh **Đậu Văn T** và chị **Nguyễn Thị L** phải trả cho chị **Nguyễn Thị L**, sinh năm 1990 (**Lưu H**) toàn bộ số tiền 550.000.000đ (năm trăm năm mươi triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc anh **Đậu Văn T** và chị **Nguyễn Thị L** phải chịu 26.000.000 đồng (hai mươi sáu triệu đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho chị **Nguyễn Thị L** (**Lưu H**) số tiền nộp tạm ứng án phí là 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí toà án số 0004219 ngày 12/6/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Diên Châu.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được niêm yết hoặc tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Diên Châu;
- Chi cục THADS huyện Diên Châu;
- TAND tỉnh Nghệ An;
- Lưu hồ sơ vụ án; (Đã ký)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Đức Thúy